

PHỤ LỤC I
BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ QUYẾT TOÁN
Dự án KCH tuyến B1-6-1 (Phía Bắc)

(Kèm theo Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND xã Ba Gia)

STT	Cơ cấu	Ký hiệu		Cách tính	Giá trị quyết toán (1)	Giá trị dự toán (dự thầu) chi tiết được duyệt (2)	Giá trị Chủ đầu tư trình (3)	Tăng (+), giảm (-); dự toán (2) so với (1)	Tăng (+), giảm (-); Chủ đầu tư (3) so với (1)	Chi chú
I	Chi phí xây dựng									
1	Giá trị xây dựng			Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	465.990.000	467.895.000	465.990.000	1.905.000	-	
	* Tổng cộng	G _{XD}			465.990.000	467.895.000	465.990.000	1.905.000	-	
II	Chi phí quản lý dự án (BQL)	BQL			15.205.000	15.267.000	15.205.000	62.000	-	
III	Chi phí tư vấn (TV)									
1	Chi phí khảo sát	a	1	Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	11.852.000	11.851.796	11.852.000	204	-	
2	Chi phí lập BCKTKT xây dựng công trình	a	2	Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	29.009.000	29.009.514	29.009.000	514	-	
3	Chi phí lập HSYC, đánh giá HSĐX	a	3	Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	1.013.462	1.013.462	1.013.462	-	-	
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	a	4	Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	12.106.000	12.155.922	12.106.000	49.922	-	
5	Thẩm tra thiết kế BVTC - Dự toán	a	5	Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	4.320.000	4.320.000	4.320.000	-	-	
	* Tổng cộng	TV		(a1 +a5)	58.300.462	58.350.694	58.300.000	50.000	462	
IV	Chi phí khác (CK)									
1	Chi phí bảo hiểm	b	1		-	-	-	-	-	
2	Lệ phí thẩm định BCKTKT	b	2		-	52.250	-	52.250	-	
3	Chi phí thẩm tra quyết toán	b	3	Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	500.000	3.135.000	500.000	2.635.000	-	
4	Lệ phí thẩm định HSMT	b	4		-	2.000.000	-	2.000.000	-	
5	Lệ phí thẩm định kết quả LCNT	b	5		-	3.000.000	-	3.000.000	-	
	* Tổng cộng	CK		(b1 ...+b5)	500.000	8.187.000	500.000	7.687.250	-	
V	Dự phòng	DP			-	300.000	-	300.000	-	
VI	Tổng kinh phí	TQT		(G _{XD} +BQL+TV+CK+DP)	539.995.000	550.000.000	539.995.000	10.004.000	-	

PHỤ LỤC II
BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ
Dự án KCH tuyến B1-6-1 (Phía Bắc)

(Kèm theo Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 25 /3/2026 của UBND xã Ba Gia)

STT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị quyết toán	Giá trị đã cấp, thanh toán cho công trình (Dự án) tính đến ngày đối chiếu K.Bạc	Nợ phải trả (+)	Nợ phải thu (-)
I	Chi phí xây dựng					
1	Giá trị xây lắp đã giảm trừ		465.990.000	465.990.000	-	-
	<i>* Tổng cộng</i>	Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Trí Lực	465.990.000	465.990.000	-	-
II	Chi phí quản lý dự án	Công ty TNHH tư vấn xây dựng công trình Vạn Thiên	15.205.000	15.205.000	-	-
III	Chi phí tư vấn					
1	Chi phí khảo sát	Công ty TNHH MTV Tư vấn xây dựng Tân Phát	11.852.000	11.852.000	-	-
2	Chi phí lập BCKTKT xây dựng công trình	Công ty TNHH MTV Tư vấn xây dựng Tân Phát	29.009.000	29.009.000	-	-
3	Chi phí lập HSYC, đánh giá HSDX	Công ty TNHH MTV Tư vấn và xây dựng An Mỹ	1.013.462	1.013.462	-	-
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây lắp Thiên Bảo	12.106.000	12.106.000	-	-
5	Chi phí thẩm tra báo cáo KT-KT	Công ty TNHH MTV Tư vấn và xây dựng Thiên Bảo	4.320.000	4.320.000	-	-
	<i>* Tổng cộng</i>		58.300.462	58.300.462	-	-
IV	Chi phí khác					
1	Chi phí thẩm tra quyết toán	Phòng Kinh tế xã Ba Gia	500.000	500.000	-	-
	<i>* Tổng cộng</i>		500.000	500.000	-	-
V	Tổng cộng		539.995.000	539.995.462	-	-

